**Điều kiện dự tuyển đào tạo tiến sĩ.**

***1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:***

- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lí trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

***2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam*** phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), được ĐHQGHN công nhận ***(quy định tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3)***, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

***3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài*** nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

***4. Các yêu cầu khác theo đặc thù của đơn vị và CTĐT:***

- Thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ GD&ĐT phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021. Danh sách các chuyên ngành được đào tạo theo Đề án 89 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN theo Quyết định 1667/QĐ-BGDĐT ngày 01/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm:

| **TT** | **Tên chuyên ngành**  | **Mã số** |
| --- | --- | --- |
|  | Báo chí học | 9320101.01 |
|  | Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử  | 9229001.01 |
|  | Đông Nam Á học | 9310608.02 |
|  | Khảo cổ học  | 9229010.01 |
|  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  | 9229010.02 |
|  | Lịch sử thế giới  | 9229010.03 |
|  | Lịch sử Việt Nam  | 9229010.05 |
|  | Ngôn ngữ học so sánh-đối chiếu | 9229020.03 |
|  | Quan hệ quốc tế | 9310601.01 |
|  | Quản lí khoa học và công nghệ | 9340412.01 |
|  | Tâm lí học  | 9310401.01 |
|  | Xã hội học  | 9310301.01 |

- Thí sinh dự tuyển đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Quy định xét cấp học bổng của ĐHQHN cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc ban hành theo Quyết định số 3688/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN có thể nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

***5. Điều kiện thâm niên công tác:***

- Không yêu cầu kinh nghiệm công tác gồm các chuyên ngành: *Công tác xã hội, Chính trị học, Du lịch, Đông Nam Á học, Hồ Chí Minh học, Khảo cổ học, Lí luận văn học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử sử học và sử liệu học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, Nhân học, Quan hệ quốc tế, Tâm lí học, Tôn giáo học, Trung Quốc học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học nước ngoài.*

- Yêu cầu ít nhất 01 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học) đối với các chuyên ngành: *Khoa học Thông tin – Thư viện, Xã hội học.*

- Yêu cầu ít nhất 02 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học) đối với các chuyên ngành: *Báo chí, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử (không yêu cầu kinh nghiệm đối với người có bằng thạc sĩ ngành Triết học hoặc bằng cử nhân Triết học loại Giỏi trở lên), Chủ nghĩa xã hội khoa học (không yêu cầu kinh nghiệm đối với người có bằng thạc sĩ ngành Triết học hoặc bằng cử nhân Triết học loại Giỏi trở lên), Hán Nôm, Lưu trữ học (không yêu cầu kinh nghiệm đối với người có bằng thạc sĩ ngành Lưu trữ hoặc bằng cử nhân Lưu trữ loại Giỏi trở lên), Quản lí khoa học và công nghệ.*

***6. Danh mục ngành đúng/phù hợp xét tuyển tiến sĩ (xem Phụ lục 4)***

**III. Thời gian xét tuyển và thông báo kết quả**

| **Công việc** | **Thời gian** |
| --- | --- |
| Thời gian đăng kí trực tuyến, nộp hồ sơ và nộp lệ phí xét tuyển tiến sĩ | Đợt 1: từ khi có thông báo tuyển sinh đến 17h00 ngày 14/04/2023. Đợt 2: từ 8h00 ngày 22/05/2023 đến 17h00 ngày 30/08/2023. |
| Công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện xét tuyển | Đợt 1: Dự kiến trước ngày 25/04/2023Đợt 2: Dự kiến trước ngày: 13/09/2023 |
| Thời gian xét tuyển  | Đợt 1: Dự kiến trước ngày 15/05/2023Đợt 2: Dự kiến trước ngày: 18/09/2023 |
| Thời gian thông báo kết quả xét tuyển | Đợt 1: Dự kiến trước ngày 17/05/2023Đợt 2: Dự kiến trước ngày: 27/09/2023 |

**IV. Thủ tục đăng kí dự tuyển**

***1. Đăng kí trực tuyến:***

- Thí sinh truy cập vào cổng đăng kí tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN và thực hiện đăng kí dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn tại địa chỉ: [**http://tssdh.vnu.edu.vn**](http://tssdh.vnu.edu.vn).

- Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

***2. Thủ tục nộp hồ sơ:***

 **Hồ sơ đăng ký dự tuyển tiến sĩ gồm:**

 - Đơn đăng ký dự tuyển *(theo mẫu)*

- Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú, có dán ảnh và đóng dấu giáp lai vào ảnh.

- Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định, cụ thể:

+ Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm đại học toàn khoá có xác nhận xếp loại của cấp có thẩm quyền cấp bằng (đối với người dự tuyển đào tạo tiến sĩ nhưng chưa có bằng thạc sĩ); bản sao công chứng bằng thạc sĩ và bảng điểm thạc sĩ (đối với người dự tuyển đào tạo tiến sĩ đã có bằng thạc sĩ). Ứng viên tốt nghiệp chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp,

+ Bản sao công chứng minh chứng về trình độ ngoại ngữ (Nếu thí sinh có văn bằng được đào tạo ở nước ngoài thì phải có văn bản xác nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo). **ĐHQGHN cho phép thí sinh sử dụng chứng chỉ Tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate** (được cấp từ ngày 16/11/2022 bởi các công ty hoặc tổ chức do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT) đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng kí dự tuyển để làm minh chứng về năng lực ngoại ngữ trong dự tuyển đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ năm 2023.

+ Bản sao các công trình nghiên cứu đã công bố trong vòng 36 tháng tính đến thời điểm đăng kí dự tuyển gồm: bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

+ Bản sao công chứng quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn và giấy xác nhận chứng nhận thâm niên công tác (nếu là cán bộ/công chức/viên chức nhà nước).

+ Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có)

- Đề cương nghiên cứu *(theo mẫu).*

- Thư giới thiệu của tối thiểu một nhà khoa học *(theo mẫu).*

- Công văn giới thiệu đi dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý đối với người người dự tuyển là công chức, viên chức.

- Lí lịch khoa học *(theo mẫu)*.

* Tải mẫu hồ sơ tuyển sinh tại địa chỉ:

<https://drive.google.com/drive/folders/1CkLcEBujztP1O20TtO7xistKJZozvUeE?usp=sharing>

 \* **Thí sinh chuẩn bị 01 bộ hồ sơ chuyên môn và 05 bộ photo** nộp tại Phòng Đào tạo (P. 607 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 336 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

- Trường hợp thí sinh gửi hồ sơ qua đường bưu điện EMS tính theo dấu bưu điện (đợt 1 muộn nhất đến ngày 12/04/2023 và đợt 2 muộn nhất đến ngày 28/8/2023).

***Nội dung gửi ghi rõ:*** Họ và tên thí sinh; Mã đăng kí dự thi (được cấp sau khi đăng kí trực tuyến thành công); Hồ sơ dự tuyển tiến sĩ (ghi rõ chuyên ngành đăng kí dự thi).

***Địa chỉ nhận hồ sơ:*** Phòng Đào tạo (P. 607 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 336 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. ĐT: 0243.5588053.

 ***Lưu ý:***

* *Thí sinh không đăng ký trực tuyến hoặc đăng kí trực tuyến mà không nộp hồ sơ theo quy định sẽ không đủ điều kiện để dự tuyển.*
* *Trong thời gian 48 giờ sau khi đăng kí (trừ ngày nghỉ, ngày lễ), nếu thí sinh không nhận được thông tin phản hồi hoặc đăng kí dự tuyển không thành công, đề nghị liên hệ lại với bộ phận tuyển sinh qua số điện thoại* ***0243.5588053*** *(trong giờ hành chính) hoặc qua qua số điện thoại* ***0945.364.914*** *(trước 18h00 hàng ngày) hoặc qua địa chỉ email:* *tuyensinhsdh@ussh.edu.vn*
* *Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Nhà trường sẽ xem xét hủy bỏ kết quả trúng tuyển của thí sinh nếu các thông tin đăng ký dự tuyển sai lệch với hồ sơ và không đáp ứng tiêu chuẩn dự thi.*

**V. Chính sách học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội đối với thí sinh dự tuyển tiến sĩ:**

Thí sinh đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc, ngoài việc nộp hồ sơ dự tuyển phải khai báo thông tin và nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng tại địa chỉ: <http://hocbong.vnu.edu.vn>

**Phụ lục 2 –** **Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN**

**1. Chứng chỉ tiếng Anh:**

| **Khung năng lực** **ngoại ngữ VN**  | **IELTS** | **TOEFL***không chấp nhận chứng chỉ toefl ibt thi online (home edition)* | **Cambridge Exam** | **Vietnamese Standardized Test of English Proficiency** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bậc 3 | 4.5 | 42 iBT | A2 Key 140B1 Preliminary: 140B2 First: 140B1 Business Preliminary 140B2 Business Vantage: 140 | VSTEP.3-5 (4.0) |
| Bậc 4 | 5.5 | 72 iBT | B1 Preliminary: 160B2 First: 160C1 Advanced: 160B1 Business Preliminary 160B2 Business Vantage: 160C1 Business Higher: 160 | VSTEP.3-5 (6.0) |

*Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được. Đối với chứng chỉ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, chỉ chấp nhận chứng chỉ đã được quy định theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công bố (chi tiết mẫu xem tại:* [*http://ntc.moet.gov.vn/content/quyet-dinh-ban-hanh-cac-mau-chung-chi-cua-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam*](http://ntc.moet.gov.vn/content/quyet-dinh-ban-hanh-cac-mau-chung-chi-cua-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam)*).*

**Phụ lục 2 –** **Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN**

**2. Một số thứ tiếng khác:**

| **Khung năng lực ngoại ngữ VN**  | **tiếng Nga** | **tiếng Pháp** | **tiếng Đức** | **tiếng Trung** | **tiếng Nhật** | **tiếng Hàn** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bậc 3 | ТРКИ-1 | DELF B1TCF B1 | Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1 | HSKBậc 3 | JLPT N3NAT-TEST 3QJ-TEST (400) | TOPIK II (Bậc 3) |
| Bậc 4 | ТРКИ-2 | DELF B2TCF B2 | Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4ECL B2 | HSK Bậc 4 | JLPT N2 (90)NAT-TEST 2Q (100)J-TEST (600) | TOPIK II (Bậc 4) |

***Ghi chú:*** *Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.*

**Phụ lục 3 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN**

**Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN**

* 1. **Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4**

| **STT** | **Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận** | **Chứng chỉ** | **Chứng nhận** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiếng Anh (\*)** | **Tiếng Nga** | **Tiếng Pháp** | **Tiếng Trung** | **Tiếng Đức** | **Tiếng Nhật** | **Tiếng Hàn** | **Tiếng Thái** |
|  | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** |
|  | Trường ĐH Hà Nội | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** |  |  |  |
|  | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế | **√** | **√** | **√** | **√** |  |  |  |  |
|  | Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh | **√** | **√** | **√** | **√** |  |  |  |  |
|  | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng | **√** | **√** |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đại học Bách khoa Hà Nội | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ĐH Thái Nguyên | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường ĐH Cần Thơ | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Nam Cần Thơ | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường ĐH Vinh | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Học viện An ninh nhân dân | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Học viện Báo chí và Tuyên truyền | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Thương mại | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Ngoại thương | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Học viện Khoa học quân sự | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Học viện Cảnh sát nhân dân | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Quy Nhơn | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại Học Tây Nguyên | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Sài Gòn | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Văn Lang | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Trà Vinh | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: (\*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.*

* 1. **Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế**

| **STT** | **Cơ sở cấp****chứng chỉ** | **Các chứng chỉ được công nhận** |
| --- | --- | --- |
| IELTS | TOEFL | Cambridge Exam |
|  | Educational Testing Service (ETS) |  | **√** |  |
|  | British Council (BC) | **√** |  |  |
|  | International Development Program (IDP) | **√** |  |  |
|  | Cambridge ESOL | **√** |  | **√** |

* 1. **Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác**

| **STT** | **Cơ sở cấp chứng chỉ** | **Một số ngoại ngữ khác** |
| --- | --- | --- |
| ***tiếng Nga*** | ***tiếng Pháp*** | ***tiếng Đức*** | ***tiếng Trung*** | ***tiếng Nhật*** | ***tiếng Hàn*** |
|  | Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin | **√** |  |  |  |  |  |
|  | Bộ Giáo dục Pháp |  | **√** |  |  |  |  |
|  | Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD |  |  | **√** |  |  |  |
|  | Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc*(\*)* |  |  |  | **√** |  |  |
|  | Japan Foundation (JLPT)Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test) |  |  |  |  | **√** |  |
|  | Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED) |  |  |  |  |  | **√** |

*Ghi chú: (\*) Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2023 (trước thời điểm này là Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc).*

**Phụ lục 4**

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP XÉT TUYỂN TIẾN SĨ**

| **TT** | **Ngành/Chuyên ngành dự tuyển** | **Ngành/Chuyên ngành đúng/phù hợp 1** | **Ngành/Chuyên ngành phù hợp 2** **(đã bao gồm nội dung bổ túc kiến thức trong khung CTĐT tiến sĩ)** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Báo chí học/Báo chí học | Báo chí học/Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng | Ngôn ngữ, Văn học, Chính trị học |
|  | Chính trị học/Chính trị học | Chính trị học/ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế | Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Xã hội học, Địa lý học, Châu Á học, Đông phương học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật quốc tế, Việt Nam học. |
|  | Chính trị học/Hồ Chí Minh học | Chính trị học/Xây dựng đảng và Chính quyền nhà nước, Quan hệ quốc tế | Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Xã hội học, Địa lý học, Châu Á học, Đông phương học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật quốc tế, Việt Nam học. |
|  | Công tác xã hội/Công tác xã hội | Công tác xã hội | Xã hội học, Tâm lý học, Tâm lý học lâm sàng; Nhân học (của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn), Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên (của trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN). |
|  | Du lịch | - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. - Du lịch, Quản trị khách sạn *(theo Công văn 1068/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/4/2022 của ĐHQGHN)* | Việt Nam học, Địa lí học, Kinh tế và quản lí du lịch (đang đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội), Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn (đang đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội), Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại. |
|  | Đông phương học/Đông Nam Á học | Khu vực học, Việt Nam học, Văn hóa và ngôn ngữ phương Đông. | Quốc tế học, Quan hệ Quốc tế, Kinh tế đối ngoại, Lịch sử thế giới, Văn học nước ngoài, Tôn giáo học, Nhân học, Chính trị học, Tiếng Anh. |
|  | Đông phương học/Trung Quốc học | Khu vực học, Ngôn ngữ/Văn hóa Trung Quốc. | Quốc tế học, Quan hệ Quốc tế, Việt Nam học, Lịch sử Trung Quốc, Văn học Trung Quốc, Văn hoá và ngôn n gữ phương Đông. |
|  | Hán Nôm/Hán Nôm | Hán Nôm  |  |
|  | Lịch sử/Khảo cổ học | Lịch sử/Khảo cổ học | Lịch sử sử học và sử liệu học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam. |
|  | Lịch sử/Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Lịch sử/Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Lịch sử sử học và sử liệu học, Khảo cổ học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam. |
|  | Lịch sử/Lịch sử sử học và sử liệu học | Lịch sử/ Lịch sử sử học và sử liệu học | Khảo cổ học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Việt Nam. |
|  | Lịch sử/Lịch sử thế giới | Lịch sử/Lịch sử thế giới | Lịch sử sử học và sử liệu học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Lịch sử Việt Nam. |
|  | Lịch sử/Lịch sử Việt Nam | Lịch sử/Lịch sử Việt Nam | Lịch sử sử học và sử liệu học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Lịch sử thế giới. |
|  | Lưu trữ học | Lưu trữ học/Lưu trữ học và Quản trị văn phòng | Bảo tồn bảo tàng; Khoa học Thư viện, bằng thạc sĩ các chuyên ngành khác và có bằng cử nhân Lưu trữ học/Lưu trữ học và Quản trị văn phòng. |
|  | Nhân học | Nhân học, các chuyên ngành Dân tộc học, Lịch sử văn hóa thuộc ngành Lịch sử. | Văn hóa học, Văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam, Xã hội học, Tâm lí học, Công tác xã hội, Việt Nam học. |
|  | Ngôn ngữ học/ Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam | Ngôn ngữ học/ Lí luận ngôn ngữ, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng. | Hán Nôm, Ngoại ngữ, Việt Nam học (luận văn về tiếng Việt), Đông phương học (có luận văn về ngôn ngữ), Văn học (luận văn về ngôn ngữ văn học), Nhân học (có luận văn về nhân học ngôn ngữ), Báo chí – Truyền thông ( có luận văn về ngôn ngữ báo chí hoặc biên tập xuất bản). |
|  | Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ học | Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ Việt Nam, Việt ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng. | Hán Nôm, Ngoại ngữ, Việt Nam học (luận văn về tiếng Việt), Đông phương học (có luận văn về ngôn ngữ), Văn học (luận văn về ngôn ngữ văn học), Nhân học (có luận văn về nhân học ngôn ngữ), Báo chí – Truyền thông (có luận văn về ngôn ngữ báo chí hoặc biên tập xuất bản). |
|  | Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu | Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ Việt Nam, Việt ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ học/Lí luận ngôn ngữ, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng. | Hán Nôm, Ngoại ngữ, Việt Nam học (luận văn về tiếng Việt), Đông phương học (có luận văn về ngôn ngữ), Văn học (luận văn về ngôn ngữ văn học), Nhân học (có luận văn về nhân học ngôn ngữ), Báo chí – Truyền thông (có luận văn về ngôn ngữ báo chí hoặc biên tập xuất bản). |
|  | Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ Việt Nam | Ngôn ngữ học/Ngôn ngữ học/ Lí luận ngôn ngữ, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng. | Hán Nôm, Ngoại ngữ, Việt Nam học (luận văn về tiếng Việt), Đông phương học (có luận văn về ngôn ngữ), Văn học (luận văn về ngôn ngữ văn học), Nhân học (có luận văn về nhân học ngôn ngữ), Báo chí – Truyền thông (có luận văn về ngôn ngữ báo chí hoặc biên tập xuất bản). |
|  | Quản lí khoa học và công nghệ | Quản lí Khoa học và Công nghệ/ Chính sách khoa học và công nghệ.Những người tốt nghiệp cử nhân chính quy ngành Khoa học quản lí loại Giỏi trở lên. | Khoa học quản lí, Quản lí công, Chính sách công, Hành chính công, Quản lí nhân lực, Quản trị kinh doanh, Chính trị học, Quản lí kinh tế, Khoa học môi trường; Điều khiển học kinh tế, Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp, Thông tin học, Công nghệ thông tin, Công nghệ sinh học, Công nghệ vật liệu, Công nghệ môi trường, Công nghệ thực phẩm, Quản lí giáo dục, Quản lí du lịch. |
|  | Quốc tế học/Quan hệ quốc tế | Quốc tế học/Quan hệ quốc tế | Lịch sử Thế giới, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Chính trị quốc tế, Châu Á học, Đông Phương học, Châu Âu học, Châu Mỹ học, Truyền thông, Thông tin đối ngoại. |
|  | Tâm lí học/Tâm lí học | Tâm lí học/ Tâm lí giáo dục | Công tác xã hội, Xã hội học |
|  | Thông tin – Thư viện/Khoa học Thông tin – thư viện | Khoa học thư viện/ Thông tin – thư viện. | Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Lưu trữ học, Quản trị văn phòng. |
|  | Triết học/Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử | Triết học/Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử | Triết học, Đạo đức học, Mỹ học, Lôgíc học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học. |
|  | Triết học/Chủ nghĩa xã hội khoa học | Triết học/Chủ nghĩa xã hội khoa học | Triết học, Đạo đức học, Mỹ học, Lôgíc học, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Tôn giáo học. |
|  | Tôn giáo học/Tôn giáo học | Tôn giáo học/Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học | Châu Á học, Khoa học chính trị, Văn học Việt Nam (chuyên sâu về văn học Việt Nam cổ trung đại), Văn học Trung Quốc, Hán Nôm, Lịch sử, Nhân học, Khoa học quản lí, Xã hội học, Việt Nam học. |
|  | Văn học/ Văn học dân gian | Văn học/Văn học dân gian | Văn học nước ngoài, Văn học Việt Nam, Lí luận văn học, Hán Nôm. |
|  | Văn học/Lí luận văn học | Văn học/Lí luận văn học | Văn học nước ngoài, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian. |
|  | Văn học/Văn học nước ngoài | Văn học/Văn học nước ngoài | Văn học dân gian, Văn học Việt Nam, Lí luận văn học. |
|  | Văn học/Văn học Việt Nam | Văn học/Văn học Việt Nam | Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Hán Nôm. |
|  | Xã hội học/Xã hội học | Xã hội học | Tất cả các ngành thạc sĩ và có bằng tốt nghiệp đại học ngành Xã hội học |